



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chọn	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt	Chọn	19/03/2005	C25KT1	<i>Quay</i>	9,0	Chín	
2	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	21/03/2005	C25KT1	<i>Agro</i>	7,3	Bảy, ba	
3	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005	C25KT1	<i>hiền</i>	6,7	Sáu, bảy	
4	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005	C25KT1	<i>Khanh</i>	6,9	Sáu, chín	
5	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002	C25KT1	<i>Miền</i>	8,0	Tám	
6	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005	C25KT1	<i>ng</i>	6,9	Sáu, chín	
7	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005	C25KT1	<i>thái</i>	8,0	Tám	
8	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005	C25KT1	<i>Thư</i>	8,4	Tám, bốn	
9	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005	C25KT1	<i>✓</i>	✓	✓	
10	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005	C25KT1	<i>Trang</i>	8,0	Tám	
11	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005	C25KT1	<i>Trâm</i>	7,8	Bảy, tám	
12	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005	C25KT1	<i>Trâm</i>	8,3	Tám, ba	
13	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005	C25KT1	<i>Trâm</i>	8,0	Tám	
14	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001	C25KT1	<i>Tuyền</i>	8,4	Tám, bốn	
15	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005	C25KT1	<i>Vy</i>	6,5	Sáu, năm	
16	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001	C25KT1	<i>Yến</i>	8,0	Tám	
17	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005	C25KT1	<i>Yến</i>	8,4	Tám, bốn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 01 . Số bài thi: 16 / 16 .

Ngày 10 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chợn	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt	Chợn	19/03/2005	C25KT1	<i>Guuun</i>	8,8	Tám, tám	
2	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gám	21/03/2005	C25KT1	<i>Aghn</i>	7,0	Bảy	
3	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005	C25KT1	<i>Hiền</i>	6,3	Sáu, ba	
4	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005	C25KT1	<i>Khanh</i>	7,0	Bảy	
5	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002	C25KT1	<i>Miền</i>	8,0	Tám	
6	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005	C25KT1	<i>Ng</i>	7,0	Bảy	
7	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005	C25KT1	<i>Thái</i>	8,0	Tám	
8	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005	C25KT1	<i>Thư</i>	8,3	Tám, ba	
9	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005	C25KT1	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	
10	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005	C25KT1	<i>Amell</i>	7,9	Bảy, chín	
11	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005	C25KT1	<i>Trâm</i>	7,0	Bảy	
12	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005	C25KT1	<i>Trâm</i>	8,0	Tám	
13	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005	C25KT1	<i>Trâm</i>	8,4	Tám, bốn	
14	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001	C25KT1	<i>Tuyền</i>	8,3	Tám, ba	
15	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005	C25KT1	<i>Vy</i>	6,0	Sáu	
16	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001	C25KT1	<i>Yến</i>	8,0	Tám	
17	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005	C25KT1	<i>Yến</i>	8,3	Tám, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 01 Số bài thi: 16 / 16.Ngày 23 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền
Trần Thị Tuyền

Ngày 22 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền
Trần Thị Tuyền

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
RƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHÁM BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110036	Nguyễn Gia Huy	28/01/2005	C25KT2		8,0	Tám	
2	2310110029	Từ Thiện Hữu	14/01/2005	C25KT2		6,8	Sáu, tám	
3	2310110034	Hà Đặng Công Minh	22/06/2005	C25KT2		8,0	Tám	
4	2310110035	Phạm Thu Ngân	26/02/2005	C25KT2		6,4	Sáu, bốn	
5	2310110037	Nguyễn Hoàng Nghĩa	21/06/2005	C25KT2		6,3	Sáu, ba	
6	2310110030	Ngô Thị Thảo Ngọc	18/01/2005	C25KT2		6,6	Sáu, sáu	
7	2310110050	Nguyễn Kim Ngọc	09/06/2004	C25KT2		8,5	Tám, năm	
8	2310110043	Đặng Thị Quỳnh Như	10/01/2005	C25KT2		7,5	Bảy, năm	
9	2310110051	Trần Thị Yến Oanh	03/07/2005	C25KT2		7,6	Bảy, sáu	
10	2310110049	Nguyễn Nhật Hà Uyên	01/10/2005	C25KT2		8,3	Tám, ba	
11	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia Quỳnh	02/09/2005	C25KT2		8,0	Tám	
12	2310110027	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/12/2005	C25KT2		8,0	Tám	
13	2310110045	Lại Thụy Thanh Trúc	11/03/2005	C25KT2		7,0	Bảy	
14	2310110046	Bùi Thị Ánh Tuyết	17/06/2005	C25KT2		9,2	Chín, hai	
15	2310110028	Nguyễn Thị Yến Vy	26/09/2005	C25KT2		6,5	Sáu, năm	
16	2310120002	Nguyễn Thị Như Ý	13/05/2002	C25KT2		8,6	Tám, sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 0 . Số bài thi: 16 / 16 .

Ngày: 16 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

Ngày: 15 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110036	Nguyễn Gia	Huy	28/01/2005	C25KT2		8,0	Tám	
2	2310110029	Từ Thiện	Hữu	14/01/2005	C25KT2		7,0	Bảy	
3	2310110034	Hà Đặng Công	Minh	22/06/2005	C25KT2		8,0	Tám	
4	2310110035	Phạm Thu	Ngân	26/02/2005	C25KT2		6,0	Sáu	
5	2310110037	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	21/06/2005	C25KT2		7,0	Bảy	
6	2310110030	Ngô Thị Thảo	Ngọc	18/01/2005	C25KT2		6,3	Sáu, ba	
7	2310110050	Nguyễn Kim	Ngọc	09/06/2004	C25KT2		8,5	Tám, năm	
8	2310110043	Đặng Thị Quỳnh	Như	10/01/2005	C25KT2		7,0	Bảy	
9	2310110051	Trần Thị Yến	Oanh	03/07/2005	C25KT2		7,0	Bảy	
10	2310110049	Nguyễn Nhựt Hà	Quỳnh	01/10/2005	C25KT2		8,5	Tám, năm	
11	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia	Quỳnh	02/09/2005	C25KT2		7,8	Bảy, tám	
12	2310110027	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/12/2005	C25KT2		8,3	Tám, ba	
13	2310110045	Lại Thụy Thanh	Trúc	11/03/2005	C25KT2		6,0	Sáu	
14	2310110046	Bùi Thị Ánh	Tuyết	17/06/2005	C25KT2		9,5	Chín, năm	
15	2310110028	Nguyễn Thị Yến	Vy	26/09/2005	C25KT2		6,0	Sáu	
16	2310120002	Nguyễn Thị Như	Ý	13/05/2002	C25KT2		8,5	Tám, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 0 . Số bài thi: 16 / 16 .

Ngày 23 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Ngày 23 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210110059	Khương Nhật Hiếu	11/05/2001	C24KT2		7,4	Bảy, bốn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .Ngày 16 tháng 9 năm 2025Ngày 15 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Trần Thị Tuyền

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Hiệu	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210110059	Khương Nhất	Hiếu	11/05/2001	C24KT2		7.0	huy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .Ngày 27 tháng 9 năm 2025

f. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

 Trần Thị Hoa.
Ngày 22 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

 Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003	C23KT2		6,3	Sáu, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003	C23KT2		6,0	Sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .Ngày 23 tháng 9 năm 2025 .

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 22 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210110011	Trần Thị Ngọc Trang	29/07/2004	C24KT1		6,5	Satisfactory	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 14 tháng 9 năm 2025

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

Trần Thị Huyền

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Trang	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210110011	Trần Thị Ngọc	Trang	29/07/2004	C24KT1		6,0	Sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 13 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

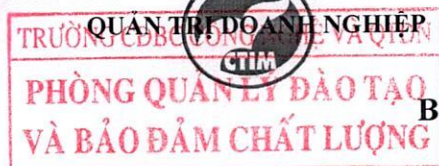
Trần Thị Huyền

Ngày 22 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: 25111MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 05/11/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trần Văn Long

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3:

Giám thị 4:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003			4,0	Bốn	C23KT2	
2	2310110019	Lữ Việt Chơn	19/03/2005			10	Mười	C25KT1	
3	2310110014	Nguyễn Thị Hồng Gấm	21/03/2005			8,5	Tám, năm	C25KT1	
4	2310110017	Nguyễn Ngọc Hiền	22/03/2005			8,0	Tám	C25KT1	
5	2210110059	Khuong Nhật Hiếu	11/05/2001			7,5	Bảy, năm	C24KT2	
6	2310110036	Nguyễn Gia Huy	28/01/2005			10	Mười	C25KT2	
7	2310110029	Từ Thiện Hữu	14/01/2005			3,8	Ba, tám	C25KT2	
8	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai Khanh	03/10/2005			7,5	Bảy, năm	C25KT1	
9	2310110001	Lê Chí Miên	19/03/2002			9,5	Chín, năm	C25KT1	
10	2310110034	Hà Đặng Công Minh	22/06/2005			7,0	Bảy	C25KT2	
11	2310110035	Phạm Thu Ngân	26/02/2005			3,4	Ba, bốn	C25KT2	
12	2310110037	Nguyễn Hoàng Nghĩa	21/06/2005			2,9	Hai, chín	C25KT2	
13	2310110023	Lê Hồng Ngọc	26/10/2005			4,0	Bốn	C25KT1	
14	2310110030	Ngô Thị Thảo Ngọc	18/01/2005			3,2	Ba, hai	C25KT2	
15	2310110050	Nguyễn Kim Ngọc	09/06/2004			7,8	Bảy, tám	C25KT2	
16	2310110043	Đặng Thị Quỳnh Như	10/01/2005			6,5	Sáu, năm	C25KT2	
17	2310110051	Trần Thị Yến Oanh	03/07/2005			7,1	Bảy, một	C25KT2	
18	2310110049	Nguyễn Nhật Hà Quyền	01/10/2005			8,0	Tám	C25KT2	
19	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia Quỳnh	02/09/2005			7,2	Bảy, hai	C25KT2	
20	2310110012	Hồ Hoàng Nhật Thái	10/12/2005			7,6	Bảy, sáu	C25KT1	
21	2310110020	Đinh Thị Xuân Thư	17/02/2005			3,5	Ba, năm	C25KT1	
22	2310110025	Nguyễn Lê Thiên Trang	18/03/2005			7,0	Bảy	C25KT1	
23	2310110027	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/12/2005			6,7	Sáu, bảy	C25KT2	
24	2210110011	Trần Thị Ngọc Trang	29/07/2004			3,5	Ba, năm	C24KT1	
25	2310110009	Lê Thị Bích Trâm	19/11/2005			4,4	Bốn, bốn	C25KT1	
26	2310110011	Phạm Phương Trâm	14/12/2005			6,5	Sáu, năm	C25KT1	
27	2310110021	Phạm Thị Bích Trâm	14/07/2005			10	Mười	C25KT1	
28	2310110045	Lại Thụy Thanh Trúc	11/03/2005			5,0	Năm	C25KT2	
29	2310110003	Dương Thanh Tuyền	14/09/2001			4,0	Bốn	C25KT1	
30	2310110046	Bùi Thị Ánh Tuyết	17/06/2005			10	Mười	C25KT2	
31	2310110028	Nguyễn Thị Yến Vy	26/09/2005			6,5	Sáu, năm	C25KT2	
32	2310110005	Nguyễn Thúy Vy	27/12/2005			5,5	Năm, năm	C25KT1	
33	2310110004	Huỳnh Thị Phi Yến	18/03/2001			7,6	Bảy, sáu	C25KT1	
34	2310110015	Nguyễn Thị Phi Yến	27/12/2005			10	Mười	C25KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2310120002	Nguyễn Thị Như Ý	13/05/2002	y		10	Mười	C25KT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 35 / 35

Số sinh viên đạt: 29 Tỷ lệ đạt: 82,9%

Ngày: 12 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hân

Ngày: 11 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

